

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1096/PC3I-TC

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 10 năm 2023

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
QUÝ 3/2023 SO VỚI QUÝ 3/2022**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty Con.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3/2023 so với Quý 3/2022 như sau:

1. Báo cáo tài chính quý 3/2023

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2023: -1.973.920.552 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3 năm 2022: 2.235.668.086 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2023 giảm so với quý 3/2022 là: 4.209.588.638 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 3/2023 (1)	Quý 3/2022 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	17.051.593.742	22.898.129.604	-5.846.535.862	74,47%
2. Giá vốn hàng bán	15.695.160.348	16.025.725.563	-330.565.215	97,94%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	1.356.433.394	6.872.404.041	-5.515.970.647	19,74%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	520.449.838	601.509.189	-81.059.351	86,52%
5. Chi phí tài chính	1.621.514.807	2.593.471.678	-971.956.871	62,52%
6. Chi phí bán hàng	0	0	0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.839.591.808	2.659.584.655	180.007.153	106,77%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.584.223.383	2.220.856.897	-4.805.080.280	-116,36%
9. Thu nhập khác	0	0	0	
10. Chi phí khác	0	0	0	

CHỈ TIÊU	Quý 3/2023 (1)	Quý 3/2022 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
11. Lợi nhuận khác	0	0	0	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-2.584.223.383	2.220.856.897	-4.805.080.280	-116,36%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-610.302.831	-14.811.189	-595.491.642	4120,55%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1.973.920.552	2.235.668.086	-4.209.588.638	-88,29%

2. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 3/2023

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2023: 23.413.538.357 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2022: 29.925.086.026 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2023 giảm so 9 tháng đầu năm 2022 là: 6.511.547.669 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	9 tháng đầu năm 2023 (1)	9 tháng đầu năm 2022 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	85.551.796.530	92.975.166.725	-7.423.370.195	92,02%
2. Giá vốn hàng bán	46.652.475.784	46.766.717.050	-114.241.266	99,76%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	38.899.320.746	46.208.449.675	-7.309.128.929	84,18%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.427.064.005	1.626.537.806	-199.473.801	87,74%
5. Chi phí tài chính	5.614.796.198	8.232.663.069	-2.617.866.871	68,20%
6. Chi phí bán hàng	0	0	0	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.622.192.621	7.937.920.593	684.272.028	108,62%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.089.395.932	31.664.403.819	-5.575.007.887	82,39%
9. Thu nhập khác	0	10.000.000	-10.000.000	0,00%
10. Chi phí khác	561.094	135.734.620	-135.173.526	0,41%
11. Lợi nhuận khác	-561.094	-125.734.620	125.173.526	0,45%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.088.834.838	31.538.669.199	-5.449.834.361	82,72%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.675.296.481	1.613.583.173	1.061.713.308	165,80%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.413.538.357	29.925.086.026	-6.511.547.669	78,24%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm trước: Thời tiết trong 9 tháng đầu năm 2023 mưa ít hơn so với cùng kỳ, trong quý 2 và quý 3/2023 thời tiết tại khu vực NMTĐ Đắk Pône và Đa Krông 1 khô hạn, không thuận lợi cho hoạt động phát điện; tổng sản lượng điện thương phẩm 9 tháng đầu năm 2023 đạt 66,27 GWh (giảm 11,45% so với 9 tháng đầu năm 2022) và doanh thu bán điện đạt 85,55 tỷ đồng (giảm 7,98% so với 9 tháng đầu năm 2022). Từ nguyên

nhân trên, nên lợi nhuận sau thuế TNDN 9 tháng đầu năm 2023 giảm 21,76% so với 9 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

Nội dung	NMTĐ Đắk Pône		NMTĐ Đa Krông 1		Tổng cộng	
	Sản lượng điện (kWh)	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kWh)	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kWh)	Doanh thu trước thuế (đồng)
1. 9 tháng đầu năm 2022	53.791.632	59.976.180.986	21.042.836	32.998.985.739	74.834.468	92.975.166.725
2. 9 tháng đầu năm 2023	48.256.152	56.043.056.074	18.010.236	29.508.740.456	66.266.388	85.551.796.530
3. Chênh lệch (2-1)	-5.535.480	-3.933.124.912	-3.032.600	-3.490.245.283	-8.568.080	-7.423.370.195
4. Tỷ lệ % tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2022	-10,29%	-6,56%	-14,41%	-10,58%	-11,45%	-7,98%

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC, đăng web./.

như trên

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Huy Khôi